

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09/2024/HNGĐ- ST**

Ngày: 22-5-2024

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Dũng; Bà Nguyễn Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lâu Thị C**, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Bản A, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Mùa A S**, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Bản A, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

(*Hiện đang chấp hành án tại đội 35, phân trại 1, trại giam Nà Tấu, Bộ Công an*). Địa chỉ: Xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

- Người phiên dịch cho nguyên đơn:

Anh **Hạng A T**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 02, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2024 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn chị Lâu Thị C trình bày:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lâu Thị C và ông Mùa A S tự nguyện chung sống từ năm 1988 và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 07 con chung, nhưng đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau. Năm 2017 thì ông Mùa A S bị bắt về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tuyên xử tù chung thân, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Nà Tấu. Hiện bà Lâu Thị C thấy không còn tình cảm với ông Mùa A S nữa. Do vậy, bà làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mùa A S.

[2]. *Về con chung, con riêng:* Bà Lâu Thị C và ông Mùa A S có 07 con chung là các cháu: Mùa A Q, sinh ngày 10/8/1993, Mùa A D, sinh ngày 20/3/1994, Mùa A K, sinh ngày 22/8/1997, Mùa Thị L, sinh ngày 02/3/1999, Mùa A P, sinh ngày: 12/4/2005, Mùa Thị G, sinh ngày 17/4/1998 và cháu Mùa A X, sinh ngày: 04/8/2000.

Hiện các cháu đã trưởng thành có khả năng lao động nên bà Lâu Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. *Về tài sản:* Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Bà Lâu Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn:* Ngày 14 tháng 3 năm 2024, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông làm Công văn số: 18/2024/CV-TA, ngày 14 tháng 3 năm 2024 gửi nhờ cán bộ Trại giam Nà Tấu tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án số: 52/TB-TLVA, ngày 14 tháng 3 năm 2024 cho bị đơn ông Mùa A S. Tuy nhiên, ông Mùa A S không nhận Thông báo thụ lý vụ án và không ký nhận vào biên bản.

Ngày 27/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã cùng nguyên đơn bà Lâu Thị C trực tiếp xuống trại giam Nà Tấu tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

* *Tại Biên bản lấy lời khai hỏi 08 giờ 30 phút ngày 27/3/2024, tại Trại giam Nà Tấu bị đơn ông Mùa A S trình bày:*

1- *Về hôn nhân:* Ông Mùa A S thừa nhận ông và bà Lâu Thị C tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, ngày 18/12/2003, nay bà Lâu Thị C làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông giải quyết ly hôn ông Mùa A S không đồng ý, vì ông vẫn còn tình cảm với bà Lâu Thị C.

2- *Về con chung:* Ông Mùa A S và bà Lâu Thị C có 07 con chung là các cháu: Mùa A Q, sinh ngày 10/8/1993, Mùa A D, sinh ngày 20/3/1994, Mùa A K,

sinh ngày 22/8/1997, Mùa Thị L, sinh ngày 02/3/1999, Mùa A P, sinh ngày: 12/4/2005, Mùa Thị G, sinh ngày 17/4/1998 và cháu Mùa A X, sinh ngày: 04/8/2000. Hiện tại các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông Mùa A S không đề nghị Tòa án giải quyết.

3- Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Ông Mùa A S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án làm việc ông Mùa A S không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không nhận văn bản và cũng không đồng ý ký vào các văn bản, với lý do ông Mùa A S không đồng ý ly hôn với bà Lâu Thị C.

* *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ:* Các cháu Mùa A Q, sinh ngày: 10/8/1993, Mùa A D, sinh ngày 20/3/1994, Mùa A K, sinh ngày 22/8/1997, Mùa Thị L, sinh ngày: 02/3/1999, Mùa A P, sinh ngày 12/4/2005, Mùa Thị G, sinh ngày: 17/4/1998 và cháu Mùa A X, sinh ngày 04/8/2000 là con chung giữa bà Lâu Thị C và ông Mùa A S các cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà Lâu C và ông Mùa A S không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Lâu Thị C cho bà Lâu Thị C được ly hôn ông Mùa A S. Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Bà Lâu Thị C và ông Mùa A S không đề nghị Tòa giải quyết nên không xem xét. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lâu Thị C.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lâu Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Lâu Thị C đối với ông Mùa A S và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn bà Lâu Thị C, Tòa án xác định đây là vụ án: “Ly hôn”.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản A, xã X, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Ngày 08 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ và đã làm Công văn nhờ cán bộ Trại giam Nà Tấu tổng đạt trực tiếp cho ông Mùa A S. Ông Mùa A S đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng đến ngày 25/4/2024, ông Mùa A S không đến phiên tòa và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Ngay sau khi ban hành Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã gửi Quyết định hoãn phiên tòa bảo đảm qua đường Bưu điện và nhờ cán bộ Trại giam Nà Tấu tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 25/4/2024, ông Mùa A S đã nhận Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Mùa A S vẫn không có ý kiến gì. Điều này chứng tỏ bị đơn tước đi quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án, hơn thế nữa các lần Tòa án trực tiếp làm việc ông Mùa A S không hợp tác, không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật trong giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về điều luật áp dụng:* Bà Lâu Thị C và ông Mùa A S lấy nhau và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ngày 18/12/2003, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[5]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lâu Thị C và ông Mùa A S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lâu Thị C và ông Mùa A S là hợp pháp. Hiện tại bà Lâu Thị C không còn tình cảm với ông Mùa A S. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Lâu Thị C và ông Mùa A S là kể từ ngày ông S phải đi chấp hành án tù chung thân, ông Mùa A S không thể làm tròn nghĩa vụ

của một người chồng, tình cảm giữa bà C và ông S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và bà Lâu Thị C muốn có cuộc sống riêng, UBND xã X, huyện Đ cũng đã xác nhận tình trạng mâu thuẫn của hai ông bà. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc bà Lâu Thị C cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, bà Lâu Thị C không còn tình cảm với ông Mùa A S và bà muốn có cuộc sống riêng là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định ông Mùa A S đã vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tù chung thân, nên không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ một người chồng để thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà C, giải quyết cho bà Lâu Thị C ly hôn với ông Mùa A S.

[6]. *Về con chung, con riêng*: Bà Lâu Thị C và ông Mùa A S có 07 con chung là các cháu: Mùa A Q, sinh ngày 10/8/1993, Mùa A D, sinh ngày 20/3/1994, Mùa A K, sinh ngày 22/8/1997, Mùa Thị L, sinh ngày 02/3/1999, Mùa A P, sinh ngày 12/4/2005, Mùa Thị G, sinh ngày 17/4/1998 và cháu Mùa A X, sinh ngày 04/8/2000 các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động bà C không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]. *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Bà Lâu Thị C không đề nghị Tòa án giải quyết, trong quá trình giải quyết vụ án ông Mùa A S không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. *Án phí*: Quá trình giải quyết vụ án bà Lâu Thị C có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa bà tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí DSTT cho bà, bởi vì, bản thân và gia đình bà là người dân tộc Mông đang cư trú tại Bản A, xã X nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lâu Thị C là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 53, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn bà Lầu Thị C được ly hôn với bị đơn ông Mùa A S.

[2]. Về con chung: Các cháu Mùa A Q, sinh ngày 10/8/1993, Mùa A D, sinh ngày 20/3/1994, Mùa A K, sinh ngày 22/8/1997, Mùa Thị L, sinh ngày 02/3/1999, Mùa A P, sinh ngày 12/4/2005, Mùa Thị G, sinh ngày 17/4/1998 và cháu Mùa A X, sinh ngày 04/8/2000 các cháu đều đã thành niên và có khả năng lao động, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3]. Về Tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương. Bà Lầu Thị C và ông Mùa A S không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Lầu Thị C, ông Mùa A S được miễn án phí DSST.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bà Lầu Thị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2024). Bị đơn ông Mùa A S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã Xa Dung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Giang